TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST
Ngày 28 -4 - 2020
"V/v tranh chấp nợ phường"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ÔngNguyễn Ngọc Liễu

2. Bà Trịnh Thị Cúc

- Thư ký phiên toà: Nguyễn Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố S, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânThành phố S, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:Không tham gia.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST-DS ngày 27tháng 12 năm 2019 về *"Tranh chấp nợ phường"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T - sinh năm 1962;

Địa chỉ: Khu phố K, Phường Q, Thành phố S, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Đào Thị T - sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu phố K, Phường Q, Thành phố S, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Ttrình bày như sau:

Năm 2015 bà Lê Thị T và một số gia đình trong xóm tham gia đóng phường,trong đó chị T đứng cái là chủ phường. Theo thỏa thuận chung, khi tham gia góp phường thì mỗi suất có nghĩa vụ đóng tiền hàng tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), người lấy tiền trước phải đóng hàng tháng số tiền 1.000.000đ và 300.000đ tiền lãi cho chủ phường. Việc lấy phường được luân phiên từ người thứ nhất đến người thứ 30. Khi đến lượt bà T lấy phường thì chị T tuyên bố vỡ nợ, từ đó không thanh toán số tiền phường đã đóng cho bà và tiền lãi suất, chị T còn có hành vi lẫn tránh, khất lần không muốn trả trong khi gia đình chị T có điều kiện trả nợ. Sự việc trên đã được Công an phường Q giải quyết, tại Công an phường chị T đã thừa nhận số tiền nợ phườngcủa các gia đình và chốt nợ với bà T. Tổng

cộng số tiền chị T còn nợ bà là 35.600.000đ (ba lăm triệu sáu trăm nghìn đồng),trong đó bao gồm cả tiền lãi suất, đồng thờichị T cam kết trả tiền, nhưng đến nay vẫn không trả cho bà được đồng nào. Vì vậy, bà yêu cầu chị T phải có nghĩa thanh toán số tiền phường là 35.600.000đ và tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng kể ngày chốt nợ vào tháng 4/2018 đến 17/12/2019 là 7.700.000đ. Kèm theo đơn yêu cầu trên bà T đã giao nộp sổ theo dõi đóng tiền phường hàng tháng. Đối với sối tiền chị T khai đã trả cho bà 2.450.000đ, nhưng số tiền này là tiền mua hàng tạp hóa được chị T cộng để đối trừ vào tiền lãi phường trước khi hai bên trốt nợ, nên số tiền này là tiền lãi, chị T đối trừ vào tiền gốc phường thì bà không đồng ý với quan điểm của chị T.

Tại phiên tòa hôm nay,bàLê Thị T yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền nợ phường là 26.500.000đ (nợ gốc), đối với số tiền lãi suất theo thỏa thuận phường còn lại và lãi suất tiền phường theo lãi suất Ngân hàng kể ngày chốt nợ đến nay thì bà rútyêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 17/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Đào Thị T trình bày:

Bà Lê Thị T có tham gia đóng một chân (suất) phường, đóng được 26 tháng rưỡi (tháng cuối bà T nộp 500.000đ), mỗi tháng nộp 1.000.000đ. Tổng số tiền bà T đóng là: 26,5 tháng x 1.000.000đ = 26.500.000đ (hai sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Kể từ ngày đóng phường đến nay, chị T đã trả cho bà T số tiền 2.450.000đ. Số tiền còn thực nợ là 24.050.000đ (hai tư triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền nợ trên, gia đình chị đang gặp khó khăn nên chị được đề nghị trả dần và sẽ trả từng đợt vào cuối năm 2020 trở đi.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn có lí do,bà Lê Thị Tvẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị Tkhởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp nợ phường phát sinh từ năm 2015, quan hệ tranh chấp giữa các bên không có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định khoản 3Điều 26; Điều 35 và Điều 39của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

Theo sổ ghi chép theo dõi đóng phường hàng tháng do bà T xuất trình, thì chị Đào Thị T thừa nhận còn nợ của bà Lê Thị T số tiền là 35.600.000đ, số tiền này xuất phát từ việc bà Lê Thị T và chị Đào Thị T tổ chức đóng tiền góp phường với nhau hàng tháng và có thỏa thuận lãi suất. Trong đó tiền gốc bà T đã đóng nộp cho chị T là 26.500.000đ. Sau khichị T tuyên bố vỡ nợ phường thìbà T không đóng tiền nữa, sự việc vỡ nợ phường đã được Công an phường Q giải quyết, chị T và bà T đã thống nhất đối chiếu công nợ và chốt nợ với nhau. Tuy nhiên chị Đào Thị T đã không trả nợ cho bà T theo cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm đến quyền và lợi

ích của bà T. Theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005, thì hình thức chơi phường cũng được coi là giao dịch về tài sản trên cơ sở pháp luật quy định, nhằm tương trợ trong nhân dân. Như vậy, việc các bên xác lập quan hệ góp, lĩnh tiền phường có kỳ hạn và có lãi suất được đặt ra là không trái quy định của pháp luật. Phù hợp với Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, quy định về Hụi, Họ, Biêu, Phường. Nay bà T yêu cầu chị Đào Thị T phải thanh toán số tiền 26.500.000đ(hai sáu triệu năm trăm nghìn đồng) là có cơ sở.

[3]. Đối với khoản tiền lãi suất khi thỏa thuận góp phường và tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng được tính từ khi hai bên thống nhất chốt nợ tại công an phường Quảng Thọ, tại phiên toàn hôm naybà T không yêu cầu xem xét khoản tiền lãi suất trên, thấy việc rút yêu cầu tiền lãi suất là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Nên đình chỉ yêu cầu này của bà Lê Thị T là phù hợp.

[4].Về quan điểm của bị đơn: Chị Đào Thị T thừa nhận bà Lê Thị T là người tham gia góp phường do chị làm chủ phường, số tiền bà T đã góp cho chị là 26.500.000đ (nợ gốc) và số tiền lãi được tính là 8.100.000đ. Sau khi tuyên bố vỡ nợ phường thì chị mới thanh toán cho bà T số tiền 2.450.000đ, chị đề nghị được trả dần từng đợt vào cuối năm 2020 trở đi. Tuy nhiên lý do trả nợ này của chịlà không có cơ sở thuyết phục, vì đây là nghĩa vụ của bị đơn đối với nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn công nhận số tiền chị đã trả nhưng là tiền quy ra từ việc lấy hàng tạp hóa và không đồng ý trừ vào tiền nợ gốc, nên số tiền trên được coi là tiền trả lãi thông qua việc mua hàng hóa. Naycần buộc chị Đào Thị T phải thanh toán cho bà Lê Thị Ttoàn bộ số tiền nợ gốc là 26.500.000đ, theo số liệu đã được chốt nợ giữa hai bên tại sổ ghi chép phường và Công an phường Q, số tiền này được thanh toán một lần cho nguyên đơn là phù hợp.

[5].Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên số tiền tạm ứng án phí có giá ngạch được hoàn trả cho nguyên đơn. Bị đơn không thuộc đối tượng xem xét miễn một phần hoặc toàn bộ án phí dân sự.Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 vàĐiều273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 290, Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005; cácĐiều 275,Điều 280,khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;
Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tđối với bị đơn chị Đào Thị T.

2. Buộc chịĐào Thị Tphải thanh toán cho bà Lê Thị Tsố tiền là 26.500.000đ *(hai sáu triệu năm trăm nghìn đồng)*

3. Về án phí dân sự: Buộc chị Đào Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 26.500.000đ x 5% = 1.325.000đ *(một triệu ba trăm hai lăm nghìn đồng)*. Trả lại cho bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí DSST là 1.075.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0006097 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố S.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về nội dung tính lãi suất của bà Lê Thị T đã rút về số tiền lãi suất ngân hàng và lãi suất phường còn lại.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, nguyên đoncó quyền làm đơn kháng cáo kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản ản được niêm yết tại UBND Phường Q, Thành phố S, Thanh Hóa.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơthẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành áncòn phải thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS Tp. S;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS Tp. S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi